TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-PT
Ngày 13/4/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng.
Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến và ông Vũ Thanh Tuấn.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 76/2022/TLPT-DS Ngày 22/11/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST Ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐXX-PT Ngày 22/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 176/120 C, phường V, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: 50/19 H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – chị Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T trình bày:* Do mối quan hệ giữa chị và chị N là bạn thân, học cùng với nhau từ nhỏ nên vẫn thường xuyên giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hoàn cảnh của chị và chị N đều phải tự gánh vác kinh tế gia đình (*chồng chị mất sớm, chị N và chồng đã ly hôn*) nên mỗi khi khó khăn về kinh tế thường giúp đỡ nhau. Đầu năm 2019, chị N cần tiền để kinh doanh nên có hỏi vay số tiền 500.000.000 đồng, chị đã đồng ý và Ngày 01/4/2019 đã giao cho chị N số tiền trên, chị N tự viết giấy biên nhận, thời hạn vay là 1 năm, sau đó chị và chị N cùng ký vào giấy biên nhận. Tiếp đến Ngày 3/4/2019 chị tiếp tục cho chị N vay số tiền 200.000.000 đồng, chị N cũng là người viết giấy biên nhận, thời hạn vay

là 1 tháng. Cả hai khoản vay trên chị và chị N có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 700 đồng/1 triệu/1 Ngày và không ghi vào giấy biên nhận. Do 2 khoản vay trên chỉ cách nhau 2 Ngày nên cả hai thống nhất gộp lại trả lãi vào Ngày 03/4 hàng tháng. Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng thời hạn chỉ 1 tháng nhưng đến Ngày 3/5/2019, chị N không có tiền trả số tiền gốc 200.000.000 đồng, xin chị thêm thời hạn 1 năm cùng với khoản vay Ngày 03/4/2019, chị đã đồng ý và gộp số tiền gốc hai khoản vay tổng số tiền là 700.000.000 đồng, với mức lãi suất là 700 đồng/1 triệu/1 tháng. Do vậy, hàng tháng chị N phải thanh toán cho chị tiền lãi là 14.700.000 đồng. Đến hạn, Ngày 04/5/2020 chị N phải thanh toán số tiền gốc 700.000.000 đồng, chị N không có tiền trả và hỏi chị cho thêm thời gian vay để làm kinh tế nhưng lúc này chị cũng đang cần tiền kinh doanh nên không đồng ý và yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền gốc 700.000.000 đồng thì chị N xin thêm thời gian 2-3 tháng sẽ trả tiền, sau đó chị đã đồng ý và cho chị N thêm 4 tháng nữa. Từ Ngày 3/4/2019 đến Ngày 3/8/2020 chị N vẫn trả lãi đầy đủ cho chị. Tuy nhiên, đến tháng 10/2020, chị đến tìm gặp chị N để đòi lại số tiền gốc nhưng chị N đều hứa xin khất nợ vì chị cũng cho người khác vay tiền chưa lấy được, sau nhiều lần chị tiếp tục đòi nhưng chị N không trả, không gặp, gọi điện, nhắn tin không trả lời. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2022 (18 tháng) là 264.600.000 đồng, tổng là 964.600.000 đồng và chị N tiếp tục phải trả tiền lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị xác định có vay chị Vũ Thị Thanh T số tiền 700.000.000 đồng theo 2 giấy vay tiền, cụ thể: Ngày 1/4/2019 chị có vay của chị T số tiền 500.000.000 đồng thời hạn vay là 1 năm; Ngày 3/4/2019 tiếp tục vay của chị T số tiền 200.000.000 đồng thời hạn vay là 1 tháng. Chị T là người giao tiền cho chị. Khi vay số tiền trên giữa chị và chị T có lập giấy biên nhận viết tay với nhau và không có ai làm chứng, cũng không có sự thỏa thuận về lãi. Chị xác định số tiền vay chị T theo 2 giấy vay tiền trên là chị nợ riêng chị T (vì thời điểm đó chồng chị T đã mất, còn chị đã ly hôn). Mặc dù theo giấy biên nhận Ngày 3/4/2019 và Ngày 1/4/2019 có thỏa thuận về thời hạn trả tiền nhưng do dịch bệnh covid19 nên chị trả tiền chị T hàng tháng số tiền 14.700.000 đồng là tiền gốc, trong thời gian 17 tháng (từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2020) chị đã trả chị T tổng số tiền gốc là 249.900.000 đồng. Ngày 23/12/2019 chị T có vay chị số tiền 800.000.000 đồng, nay chị chỉ cung cấp cho Tòa án biết. Do vậy, chị xác định số tiền gốc vay chị T theo 2 giấy biên nhận đã không còn, còn đối với tiền lãi chị không đồng ý vì theo giấy biên nhận thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Ngày 20/6/2022 chị N có đơn yêu cầu phản tố với nội dung: chị thừa nhận có vay chị T 700.000.000 đồng, chị đã trả 249.900.000 đồng, còn nợ 450.100.000 đồng. Tuy nhiên, Ngày 23/12/2019 chị T có vay chị 800.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay chị đề nghị Toà án buộc chị T phải trả cho chị số tiền gốc 800.000.000 đồng, lãi 6%/tháng tính từ tháng 1/2021 đến nay là 86.400.000 đồng

và đối trừ với số tiền chị còn nợ chị T, buộc chị T phải trả chị số tiền 436.300.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn – chị T có quan điểm: Yêu cầu chị N trả chị số tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 9/2020 đến phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn – chị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể số tiền gốc chị còn nợ chị T là 450.100.000 đồng, tuy nhiên Ngày 23/12/2019 chị T có vay chị 800.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay chị đề nghị Toà án buộc chị T phải trả cho chị số tiền gốc 800.000.000 đồng, lãi 6%/tháng tính từ tháng 01/2021 đến nay là 86.400.000 đồng và đối trừ với số tiền chị còn nợ chị T, buộc chị T phải trả chị số tiền 436.300.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST Ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương quyết định: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 3 Điều 200; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T tổng số tiền 1.027.735.188 đồng trong đó (nợ gốc 648.433.333 đồng và số tiền lãi quá hạn 379.301.855 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh T về số tiền gốc 51.566.667đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ngày 07/9/2022, bị đơn là là chị Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị được đối trừ toàn bộ số tiền đã thanh toán cho chị N vào số tiền gốc đã vay.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận số tiền trả hàng tháng 14.700.000.000 đồng là thanh toán tiền lãi; chị xuất trình bản phô tô tài liệu sao kê của ngân hàng thể hiện có việc chuyển tiền vào tài khoản của chị T, chị cho rằng ngoài số tiền chị đã thanh toán cho chị T như bản án sơ thẩm xác định thì chị còn thanh toán thêm một số tháng tiền lãi nữa mặc dù không có tài liệu chứng minh; tuy nhiên chị xin nguyên đơn giảm cho chị 160.000.000 đồng tiền lãi. Chị T phủ nhận việc ngoài số tiền chị N đã trả chị như hai bên đã thống nhất và được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận, đối với số tiền vay 700.000.000 đồng, chị không còn nhận khoản thanh toán nào khác. Tuy nhiên vì giữa nguyên đơn, bị đơn có quan hệ bạn bè, bị đơn cũng gặp khó khăn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh nên chị tự nguyện giảm cho bị đơn một phần tiền lãi, cụ thể giảm cho bị đơn 79.301.855 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương nhận xét những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm; về nội dung Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ đúng pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn trong việc giảm một phần tiền lãi cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị N là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Chị N là người có quyền kháng cáo, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn, bị đơn: Hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện nguyên đơn, bị đơn trình bày thống nhất với nhau về việc giữa nguyên đơn, bị đơn có quan hệ vay tài sản là tiền thông qua 2 giấy vay tiền, cụ thể giấy vay Ngày 01/4/2019 và giấy vay Ngày 03/4/2019. Hai bên không thống nhất được số tiền 14.700.000 đồng bị đơn trả hàng tháng cho nguyên đơn là số tiền gốc hay tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện nguyên đơn, bị đơn trình bày thống nhất về việc bị đơn giữa nguyên đơn bị đơn có xác lập quan hệ vay tài sản là tiền, cụ thể Ngày 01/4/2019 vay số tiền 500.000.000 đồng với thời hạn vay 01 năm; Ngày 03/4/2019 vay số tiền 200.000.000 đồng với thời hạn vay 01 tháng. Nguyên đơn trình bày do bị đơn không có tiền thanh toán cho nguyên đơn nên Ngày 3/5/2019, đã đề nghị và được nguyên đơn đồng ý gộp số tiền gốc hai khoản vay thành tổng số tiền là 700.000.000 đồng với thời hạn vay là 01 năm và thỏa thuận mức lãi suất miệng là 700 đồng/1 triệu/1 tháng. Trên thực tế, mỗi tháng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 14.700.000 đồng (trong 17 tháng).

Bị đơn thống nhất với của nguyên đơn về việc gộp hai khoản vay thành khoản vay chung với thời hạn vay 01 năm, thống nhất về việc hàng tháng trả nguyên đơn số tiền 14.700.000 đồng song không thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất, chị cho rằng số tiền 14.700.000 đồng hàng tháng trả nguyên đơn là chị thanh toán số tiền gốc đã vay.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xuất trình nội dung tin nhắn trên ứng dụng nhắn tin của phần mềm ứng dụng "zalo", thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có trao đổi về việc trả lãi hàng tháng. Bị đơn thừa nhận nội dung tin nhắn do nguyên đơn cung cấp và xác định ngoài số tiền 700.000.000 đồng chị vay của nguyên đơn thì chị không còn vay nguyên đơn số tiền nào khác.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tài sản là tiền, mặc dù không có thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền, song thực tế có việc nhắn tin qua lại, nội dung tin nhắn thể hiện số tiền lãi phải trả hàng tháng, thực tế bị đơn cũng đã trả cho nguyên đơn số tiền phù hợ với số tiền lãi thống nhất này nên xác định quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là vay có lãi suất là có căn cứ.

Hai bên thỏa thuận tiền lãi hàng tháng là 14.700.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 15,2%/năm, vượt quá mức lãi suất 20% được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất đối với khoản vay là 20%/năm. Số tiền thanh toán vượt quá được trừ vào tiền gốc là đúng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn:

Từ những phân tích nên trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định kháng cáo của bị đơn cho rằng số tiền 14.700.000 đồng hàng tháng thanh toán cho nguyên đơn (17 tháng) là trả nợ cho khoản tiền gốc hai bên cho nhau vay là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình bản phô tô sao kê ngân hàng về việc có một số lần khác chuyển tiền cho nguyên đơn, tuy nhiên việc chuyển tiền này không phù hợp về thời gian, số tiền hai bên thỏa thuận. Nguyên đơn cũng không thừa nhận số tiền này được thanh toán cho khoản vay nên không có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP Ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án kể từ Ngày tiếp theo của Ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành khoản tiền phải trả mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi... là không đúng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vẫn đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không sửa phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xin nguyên đơn giảm cho một phần tiền lãi, cụ thể là 160.000.000 đồng vì bị đơn kinh doanh, đầu tư không thuận lợi. Nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn một phần tiền lãi, cụ thể là 79.301.855 đồng. Xét việc giảm một phần tiền lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N, chấp nhận sự tự nguyện giảm một phần tiền lãi của chị Vũ Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST Ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, cụ thể:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; Điều 92; Điều 148; khoản 3 Điều 200; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T tổng số tiền 948.433.333 đồng (*Chín trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) trong đó (nợ gốc 648.433.333 đồng và số tiền lãi hạn 300.000.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền phải trả mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001209 Ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương được đối trừ vào số tiền án phí sơ thẩm phải nộp theo quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ Ngày tuyên án, ngày 13/4/2023./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND thành phố Hải Dương;*
- *Chi cục THA thành phố Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS; lưu toà.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hải Bằng